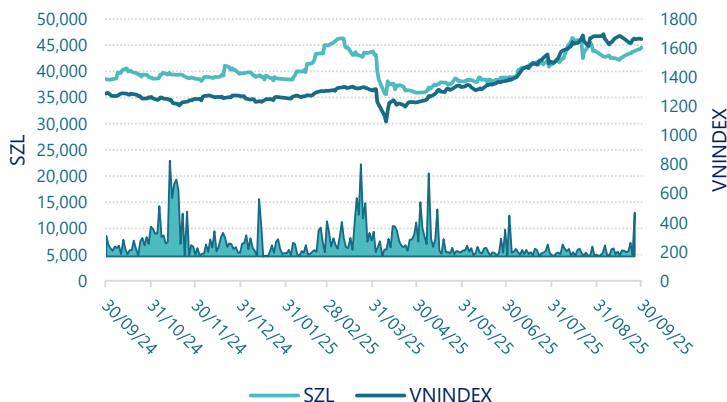




CTCP Sonadezi Long Thành (HSX: SZL)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	44,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	46,416
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	35,632
SL cổ phiếu LH	27,344,540
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,555
% sở hữu nước ngoài	16.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,217
P/E	10.5
EPS	4,231

DT thuần

Q3/25

136

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.00 | -4.5%

YoY: ▲12.0 | 9.4%

LN sau thuế

Q3/25

32.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.50 | -4.3%

YoY: ▲8.20 | 33.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

31.3%

+/- YoY: ▲7.1%

DT thuần

9T 2025

402

tỷ VNĐ

YoY: ▲37.0 | 10.3%

LN sau thuế

9T 2025

93.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲11.1 | 13.5%

ROE

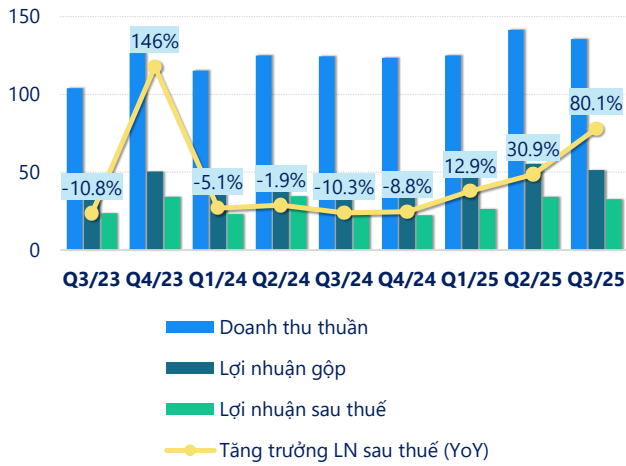
Q3/25

18.1%

+/- YoY: ▼0.6%

tỷ VNĐ

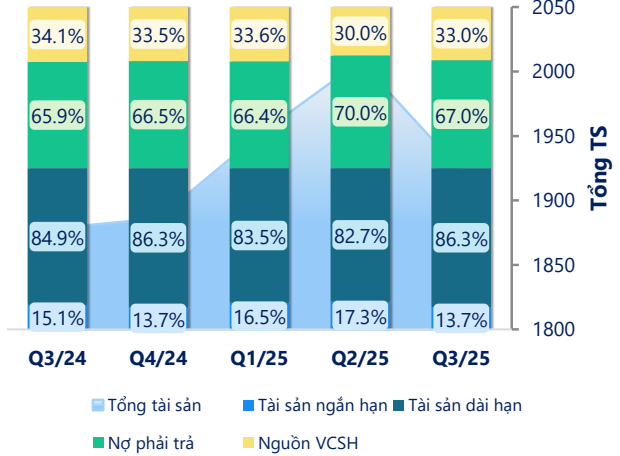
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

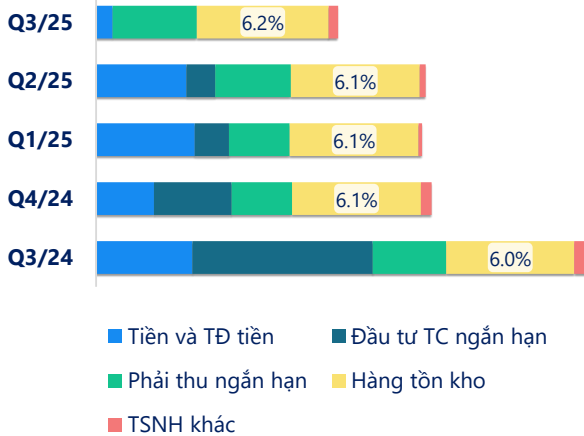
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



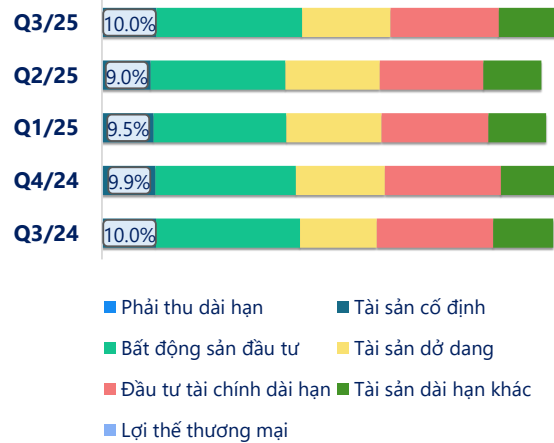
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

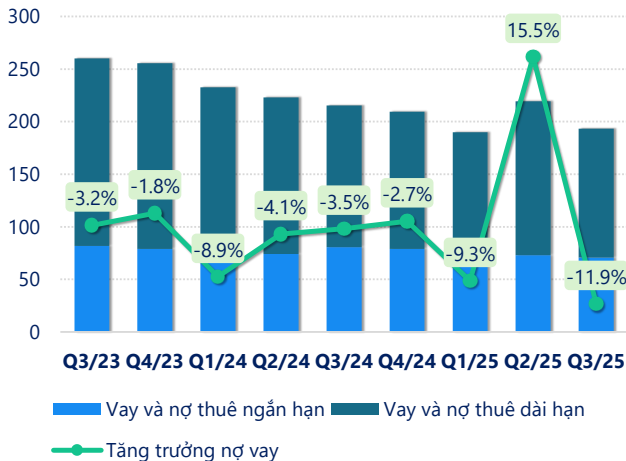
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

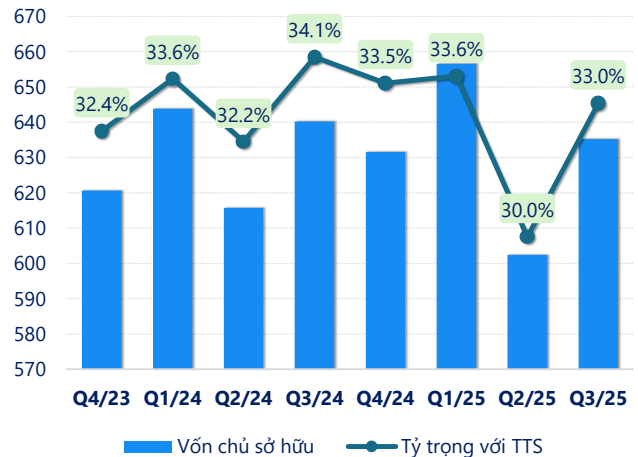
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

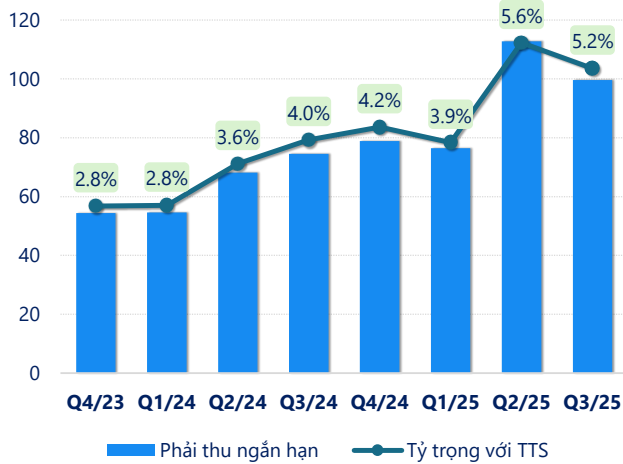
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



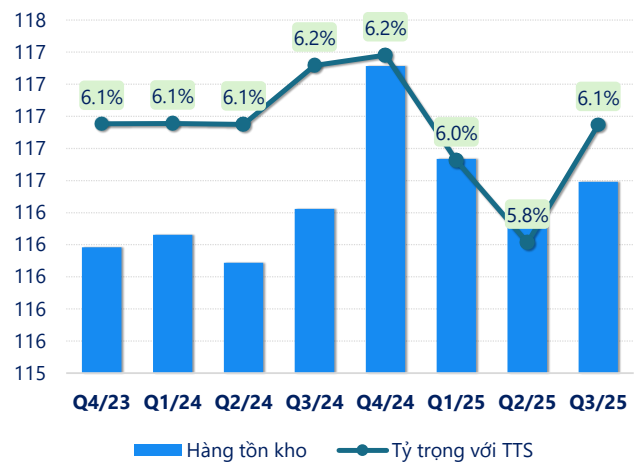
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


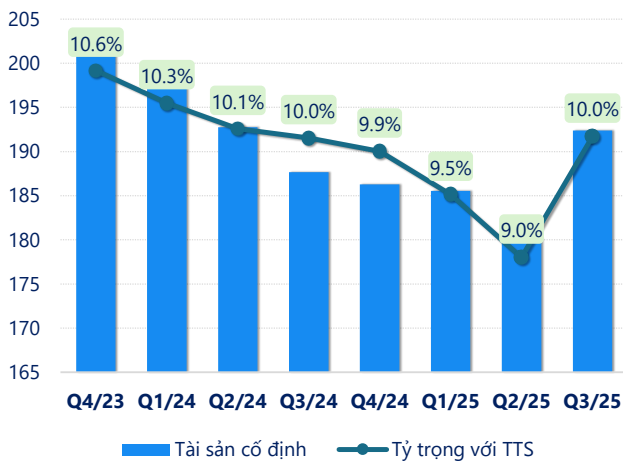
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


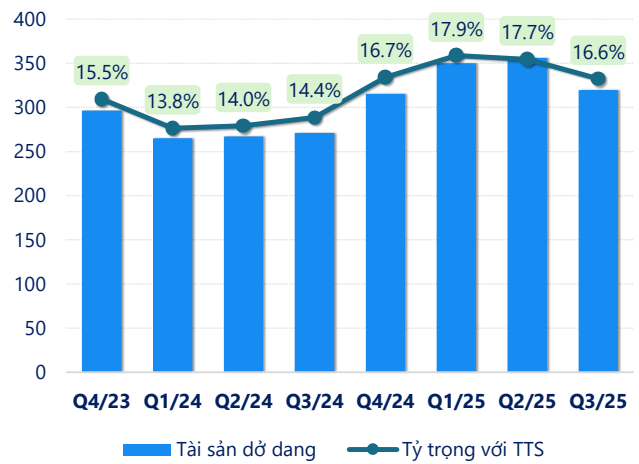
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

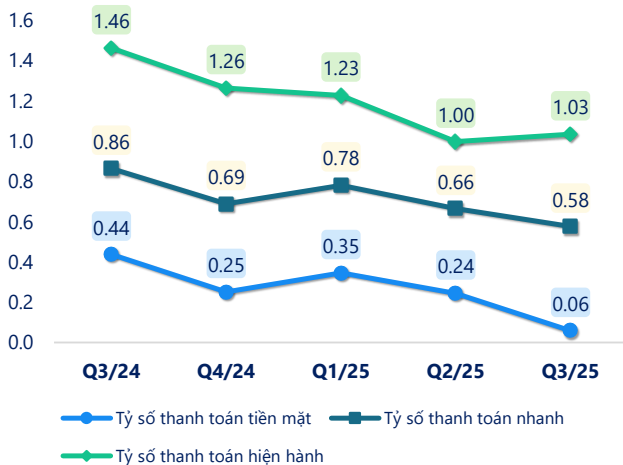
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

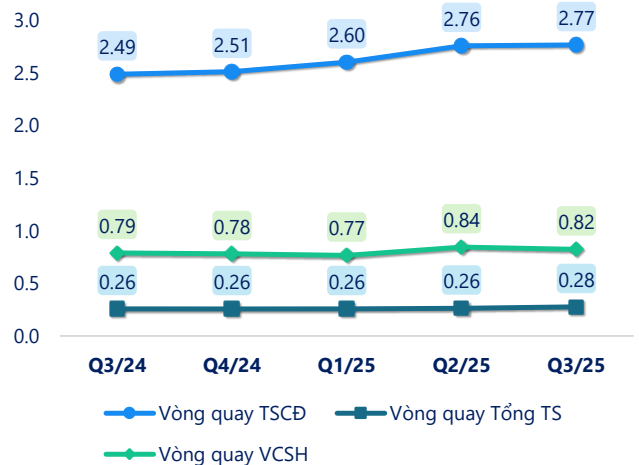
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,879	1,886	1,951	2,008	1,923
Tài sản ngắn hạn	284	258	321	348	263
Tiền và tương đương tiền	85.1	51.3	90.4	85.1	14.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	20.0	20.0	20.0
Phải thu ngắn hạn	74.5	78.9	76.4	113	99.6
Hàng tồn kho	116	117	117	116	117
Tài sản ngắn hạn khác	8.48	10.2	17.5	13.9	12.1
Tài sản dài hạn	1,594	1,628	1,630	1,660	1,660
Phải thu dài hạn	3.68	3.68	3.68	3.68	3.68
Tài sản cố định	188	186	186	180	192
Bất động sản đầu tư	508	498	487	509	528
Tài sản dở dang	271	315	350	356	320
Đầu tư tài chính dài hạn	412	412	392	392	392
Tài sản dài hạn khác	212	213	212	219	225
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,238	1,254	1,295	1,406	1,288
Nợ ngắn hạn	195	204	262	349	254
Vay và nợ thuê ngắn hạn	80.5	78.9	75.6	73.1	70.6
Phải trả người bán ngắn hạn	11.3	18.5	45.3	32.1	21.6
Nợ dài hạn	1,044	1,051	1,033	1,057	1,034
Vay và nợ thuê dài hạn	135	131	114	146	123
Nguồn vốn chủ sở hữu	640	632	657	602	635
Vốn chủ sở hữu	640	632	657	602	635
Vốn điều lệ	291	291	291	291	291
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)